**Trang bìa**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Anh** | **Tiếng Nhật** |
| **Để biết thêm thông tin chi tiết, bạn có thể liên hệ:** | **問い合わせ先** |
| **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  **Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.**  **Số điện thoại:** +84 225 3841693  **Số fax:** +84 225 3842426  **Email:** [banquanlykkt@haiphong.gov.vn](mailto:banquanlykkt@haiphong.gov.vn)  **Website:** [www.heza.gov.vn](http://www.heza.gov.vn) | **ハイフォン市計画投資部 (HAIPHONG DPI)**  住所：Hai Phong City, Hong Bang District, Dinh Tien Hoang Street, No.1  電話番号：+84 225 3842614  ファクス：+84 225 2842021  メール：[haiphongdpi@haiphong.gov.vn](mailto:haiphongdpi@haiphong.gov.vn)  サイト：[www.haiphongdpi.gov.vn](http://www.haiphongdpi.gov.vn) |
| **Để biết thêm thông tin chi tiết, bạn có thể liên hệ:** | **ハイフォン経済区管理委員会 (HEZA)**  住所：Hai Phong City, Hong Bang District, Cu Chinh Lan Street, No.24  電話番号：+84 225 3841693  ファクス：+84 225 3842426  メール：[banquanlykkt@haiphong.gov.vn](mailto:banquanlykkt@haiphong.gov.vn)  サイト：[www.heza.gov.vn](http://www.heza.gov.vn) |

**Trang bìa**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG | **ハイフォン市人民委員会** |
| HẢI PHÒNG | **ハイフォン市** |
| ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ | **理想的な投資先** |

**Trang 3　（The Chairman’s Message）**

Thân gửi Quý nhà đầu tư

投資家の皆様、

Với những lợi thế của một thành phố cảng, cửa chính ra biển của miền Bắc Việt Nam, là đầu mối giao thông quốc gia với đầy đủ các tuyến đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ và hàng không, Hải Phòng thu hút nhiều nhà đầu tư Việt kiều cũng như ngoại quốc, những đóng góp của họ giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

ハイフォン市は、ベトナム北部の海の玄関口となる港湾都市であり、海上、水路、鉄道、高速道路、航空航路など、主要交通機関のハブであるという特長をもっています。ハイフォン市民と国際的な投資家の協力により、海外からの投資が大きな成果を生み、ハイフォン市の総合的な社会と経済の発展に貢献してきました。

Được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Trung ương cùng với sự chung tay góp sức của người dân Hải Phòng và các nhà đầu tư, thành phố đã đạt được những bước tiến vượt bậc: Tốc độ tăng trưởng GRDP liên tục đạt mức cao, bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 14,02%/năm, gấp 2,1 lần tốc độ tăng trưởng của cả nước (6,78%/năm), sản lượng hàng qua cảng 142,8 triệu tấn, các công trình hạ tầng giao thông mới, quan trọng được hoàn thiện và đưa vào sử dụng: cầu vượt biển Tân Vũ - Lạch Huyện, cầu Bạch Đằng, cầu Hoàng Văn Thụ (kết nối Khu công nghiệp VSIP, đảo Vũ Yên), 02 bến khởi động Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; Một số dự án du lịch, khách sạn, trung tâm thương mại, khu đô thị lớn văn minh, hiện đại đã được đầu tư và đưa vào khai thác như: hệ thống cáp treo vượt biển Cát Hải - Cát Bà, khách sạn 5 sao (Nikko, Hilton, Pullman), Khu đô thị Vinhomes Imperia của Tập đoàn Vingroup, các khu đô thị của Tập đoàn Hoàng Huy, khu đô thị ven sông Lạch Tray của Tập đoàn Agape,... và Trung tâm Thương mại AeonMall Hải Phòng Lê Chân. Những dự án này mang lại cơ hội quảng bá đầu tư vô cùng lớn cho thành phố, cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích hơn cho cộng đồng và các nhà đầu tư, chuyên gia nước ngoài.

中央政府の強力な支援とハイフォンの人々と投資家の共同の努力により、市は大きな進歩を遂げました：GRDPの成長率は継続的に高い平均レベルに達しました。2016年から2020年の5年間で、成長率は14.02％/年で、全国の成長率（6.78％/年）の2.1倍であり、港を通る商品の処理量は1億4280万トンであり、インフラストラクチャーは機能しています。完成して使用されたもの：Tan Vu-Lach Huyen海橋、Bach Dang橋、Hoang Van Thu橋（VSIP工業団地、Vu Yen島を接続）、02開始バースHaiPhong国際ゲートウェイポート。観光、ホテル、商業センター、大規模な文明化された近代的な都市部の多くのプロジェクトが投資され、運用されています。たとえば、海を渡るケーブルカーシステムCat Hai-Cat Ba、ホテル5（Nikko、Hilton、Pullman）、ビングループのヴィンホームズインペリア市街地、ホアンフイグループの市街地、アガペグループのラックトレイリバーサイド市街地、...そしてイオンモールトレードセンターハイフォンルチャン。これらのプロジェクトは、都市に巨大な投資促進の機会をもたらし、コミュニティや外国人投資家や専門家により便利なサービスを提供します。

Bên cạnh thế mạnh về hạ tầng giao thông, Hải Phòng còn sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao và truyền thống văn hóa giàu bản sắc, là thành phố dẫn đầu về hội nhập quốc tế. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp của Quý nhà đầu tư như một phần quan trọng trong sự phát triển của thành phố.

Với quan điểm “Sự thành công của mọi nhà đầu tư cũng chính là sự phát triển của thành phố”, Hải Phòng luôn là đối tác – bạn đồng hành tin cậy và nỗ lực không ngừng để tạo mọi điều kiện tốt nhất chào đón các nhà đầu tư đến với thành phố.

Hãy đến với thành phố Hải Phòng của chúng tôi.

Trân trọng,

Nguyễn Văn Tùng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

ハイフォンは、輸送インフラの強みに加えて、質の高い人材と豊かな文化的伝統を備えており、国際統合のリーディングシティとなっています。 私たちは、投資家の貢献が都市の発展における重要な部分であると認識しています。

「すべての投資家の成功は都市の発展でもある」という観点から、ハイフォンは常に信頼できるパートナーであり、仲間であり、新しい投資家を歓迎するための最良の条件を作り出すために絶え間ない努力をしています。投資家は都市にやって来ます。

私たちのハイフォン市に来てください。

よろしくお願いします、

グエン・ヴァン・タング

市人民委員会委員長

**Trang 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **NỘI DUNG** | **目次** |
| **THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH** | 委員長挨拶 |
| **NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | 主要データ |
| **ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC**  (STRATEGIC INVESTMENT DESTINATION) | 理想的な投資先 |
| **SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG**  SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT | 持続可能な経済開発 |
| **CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN** | インフラ整備 |
| **HỆ THỐNG CẢNG BIỂN** | 海港システム |
| **HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC**  ELECTRICITY AND WATER SUPPLY | 給電・給水 |
| **KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI**  DINH VU CAT HAI ECONOMIC ZONE | Dinh Vu・Cat Hai 経済特区 |
| CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI | 優遇 |
| CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐIỂN HÌNH | **代表的な工業団地** |
| VĂN HÓA – DU LỊCH – GIẢI TRÍ | 文化・観光・娯楽 |
| GIÁO DỤC VÀ LAO ĐỘNG | 教育と労働力 |
| THU HÚT FDI | 外国直接投資（FDI）誘致 |
| CAM KẾT CỦA LÃNH ĐẠO THÀNH PHỐ | 市幹部の コミットメント |

**Trang 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | **重要なデータ** |
| Diện tích: 1.519 Km2  Độ cao: 0.7 - 1.7m so với mực nước biển Khí hậu: Tiểu nhiệt đới Nhiệt độ trung bình: 23-24oC Độ ẩm: 85-90% Lượng mưa hàng năm:1,600-1,800 mm | 面積:　1,519 平方メートル   * 標高: 　海抜0.7~ 1.7 メートル * 気候:　亜熱帯気候 * 平均気温: 230~ 240C * 湿度:　 85~ 90 % * 年間降雨量: 1,600 ~ 1,800 mm. |

**Trang 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH**  Các quận, huyện: 7 Huyện nông thôn: 8 (gồm 02 huyện đảo: Cát Hải và Bạch Long Vỹ) | **行政区画**   * 市部の区数　 7 * 郡部の区数　 8 (Cat Ba とBach Long Viの２島地区を含む) |
| **DÂN SỐ**  2.053,3 nghìn | **人口**  205.6 万人 |

**Trang 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| Lực lượng lao động:　1.113,3 nghìn  Dân nội thành:　45.41%  GRDP:　11,99 tỷ USD  Lượng hàng hóa qua cảng：142,87 triệu tấn/năm | 労働力：113.0万人  都市部の市民の割合：45.41%  GRDP：119.9億米ドル  港を通過する貨物の量：1億4,287万トン/年 |
| (Số liệu đến ngày 31/12/2020) | (2020年12月31日現在のデータ) |
| Cấu trúc GDRP  Công nghiệp – Xây dựng: 49,73%  Dịch vụ: 39,51  Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Nuôi trồng thủy sản: 4,6%  Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 6,16% | GRDP 構造   * 産業－建設 * サービス * 農業－林業－養殖業 |
| Tỷ lệ tăng GDRP：11,22％ | GRDP成長率：11.22% |
| Tăng GDP bình quân đầu người：4.277USD | 一人当たりのGRDP：4,277 ドル |
| **Tổng dự án FDI: 760** | **FDIプロジェクトの件数 : 760** |
| **Tổng số vốn đăng ký：19,24 tỷ USD** | **登録済みＦＤＩ資本総額：192.4億** |
| **VÙNG KINH TẾ CHÍNH PHÍA BẮC** | **北部の**  **主要経済圏** |
| **VÙNG KINH TẾ CHÍNH PHÍA BẮC** | **北部の主要経済圏** |
| Vùng kinh tế chính phía Bắc bao gồm 7 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh (khu lõi của vùng), Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc. Đây là trung tâm kinh tế năng động và quan trọng của miền Bắc và toàn Việt Nam. Điểm mạnh lớn nhất của vùng kinh tế này là nguồn lao động chất lượng cao, được đào tạo tốt và tỷ lệ trung bình sinh viên tốt nghiệp cao nhất tại các trường cao đẳng, đại học | ベトナム北部の主要経済圏には、Haiphong市、Hanoi市、Quangninh省、Haiduong省、Hungyen省、Bacninh省、Vinhphuc省の7つの省と市が含まれます。これはダイナミックな経済的中心地であり、北部とベトナム全体の重要な経済的拠点です。この経済圏の最大の特長は、専門教育を受けた資格のある人材、大学での教育レベルの高さ、また人口当たりの学生数が多いことです。 |
| **TAM GIÁC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ** | **経済成長三角地帯** |
| Tam giác tăng trưởng kinh tế gồm: Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Tam giác tăng trưởng kinh tế đóng vai trò là cực tăng trưởng, thu hút các địa phương khác trong khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc.  Tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình trong giai đoạn 2011 - 2015 của các địa phương trong Tam giác kinh tế là hơn 9%, cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước là 5,9%. | 経済成長三角地帯はHaiphong市とHanoi市とQuangninh省を含みます。この経済成長三角地帯は北部の主要経済圏の成長の牽引役を務めており、北部の全体的な成長に大きく貢献しています。2011年から2015年までの経済成長三角地帯の平均GRDP（域内成長率）は9％を超えており、5.9％である全国平均成長率を上回っています。 |

**Trang 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC** | **戦略的な投資先** |
| **HAI HÀNH LANG – MỘT VÀNH ĐAI KINH TẾ VIỆT NAM – TRUNG QUỐC** | **ベトナム－中国の「2つの経済回廊・1つの経済ベルト」** |
| Hợp tác phát triển hai hành lang và một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc gồm hành lang kinh tế Côn Minh - Laocai - Hà Nội - Hải Phòng; hành lang kinh tế Nam Ninh - Langson - Hà Nội - Hải Phòng; và vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Đây là một sáng kiến hợp tác liên vùng và xuyên quốc gia nhằm tận dụng và khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của các địa phương mà "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" đi qua.Đồng thời, nó phát huy vai trò lan tỏa của mình cho các địa phương khác ở Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Việt Nam và Tây Nam Trung Quốc, hướng tới mục tiêu chung là cùng có lợi và phát triển bền vững. | ベトナム－中国の「2つの経済回廊・1つの経済ベルト」の協力はKunming・Laocai・Hanoi・Haiphongの間の経済回廊、またNanning・Langson・Hanoi・Haiphongの間の経済回廊とトンキン経済地帯が含まれます。これは、「2つの経済回廊・1つの経済ベルト」が通過する地方のポテンシャルと利点を効率的に利用するための地域間および多国籍の協力のイニシアチブであります。同時に、これらは互い利益と持続可能な発展という目標のために、ベトナムの西北部、東北部、南部と中国の西南部にある他の地方に波及効果をもたらします。 |
| •Hải Phòng nằm ở phía Tây vịnh Bắc Bộ - một vịnh lớn của Đông Nam Á, bờ biển Đông – Bắc của Việt Nam, chỉ cách Hà Nội 102km và cửa khẩu biên giới Việt Nam - Trung Quốc 200km.  • Thành phố cảng biển, và là cửa ngõ chính của giao thương quốc tế cho khu vực phía Bắc của Việt Nam.  • Trung tâm giao thông quan trọng của miền Bắc và toàn quốc. • Trung tâm đô thị của cả nước. • Trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch của Việt Nam và khu vực ven biển phía Bắc. • Vành đai kinh tế ở phía Tây của Vịnh Bắc Bộ (gồm Hải Phòng, Quảng Ninh); và vùng kinh tế ven biển phía Bắc (Quảngninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình)  •Trung tâm của chuỗi hành lang đô thị: Hải Phòng-Hải Dương - Hà Nội - Việt Trì –Yên Bái - Laocai (Việt Nam) –Mạnh Tử - Côn Minh (Trung Quốc); Hải Phòng –Hải Dương - Hà Nội –Lạng Sơn (Việt Nam) - Nam Ninh (Trung Quốc).  • Nằm trong chuỗi thành phố ven biển của hành lang Vịnh Bắc Bộ: Hải Phòng - Hạ Long- Thái Bình- Nam Định - Ninh Bình | * ベトナムの北東海岸で、東南アジアにおいて巨大な湾であるトンキン湾に立地。　首都ハノイから１０２キロメートル、ベトナムと中国の国境から２００キロメートルほどの距離。 * 港湾都市、北部ベトナムの国際貿易の主要拠点。 * 北部及び国家にとって重要な交通・運輸の要所。 * 国家の都市部の中心。 * ベトナム及び北部海岸地域の産業、商業、サービス、観光の中心地 * トンキン湾の西部経済地帯（Haiphong、Quangninh）及び北部海岸経済地域（Quangninh、Haiphong、Thaibinh、Namdinh、Ninhbinh）の中心地。 * 都市部回廊の中心地：Haiphong・Haiduong・Hanoi・Viettri・Yenbai・Laocai（以上、ベトナムの各都市）・蒙自・昆明（中国）；　Haiphong・Haiduong・Hanoi・Langson（以上、ベトナム各都市）・南寧（中国）。 * トンキン湾回廊の海岸線都市群に立地：Haiphong・Halong・Thaibinh・Namdinh・Ninhbinh。 |

**Trang 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG** | **持続可能な経済開発** |
| **SÂN BAY** | **空港:** |
| ***Sân bay Cát Bi:*** | **カットビ空港：** |
| Nằm ở phía Tây Nam của thành phố, cách trung tâm thành phố 5 km, là sân bay dự phòng cho sân bay quốc tế Nội Bài, không chỉ phục vụ các chuyến bay trong nước đến Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Playku và Buôn Ma Thuột, Phú Quốc, Đà Lạt, Quy Nhơn mà còn có các chuyến bay quốc tế đến Bangkok (Thái Lan), Incheon (Hàn Quốc). | ハイフォン市の西南に位置し、中心部から約5km。ノイバイi国際空港の代替空港でもあり、毎日ハイフォンからホーチミン市、ニャチャン、ダナン、プレーク、ブンメイトウ、ダラット、クゥいーニョンやフクォトまでの国内線便だけでなく、タイのバンコクと韓国のインチェオンまでの国際線便もある。 |
| Sân bay quốc tế Cát Bi có thể đón nhận các loại hình máy bay như Boeing 747 với giới hạn trọng tải, B777-300, B777-200, A321 và các loại máy bay tương tự | カットビ空港はBoeing 747（負荷制限付）、B777-300、 B777-200、A321などの大型機種も受け入れ可能。 |
| Đến năm 2025, sân bay sẽ đạt tới 2 triệu lượt hành khách/ năm, tương đương với 800 lượt hành khách trong mỗi giờ cao điểm, 20.000 tấn hàng hóa/ năm | この空港は200万人の乗客／年（ピーク時800人の乗客／時間）、2万トンの貨物／年の通関能力があり、2025年までに800万人の乗客／年（ピーク時2,800人の乗客／時間）と25万トンの貨物／年の通関能力を見込んでいる。 |
| **CẤU TRÚC GDP** | **GDP構造** |
| **GDP VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI** | **GDPと1人当たりGDP** |
| **CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ** | **人口の質** |

**Trang 11**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG** | **インフラ　整備** |
| **MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ:** | **道路ネットワーク:** |
| Thành phố được kết nối với Hà Nội bằng cả Quốc lộ 5 và Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Quốc lộ số 10 kết nối Thành phố với các tỉnh ven biển phía Bắc và Vịnh Hạ Long- Di sản Thế giới . Đường cao tốc ven biển nối Hải Phòng và các tỉnh ven biển phía Bắc đã được phê duyệt xây dựng và một số hạng mục đang được tiến hành xây dựng | 国道5号線とハノイ・ハイフォン高速道路はハイフォンからハノイまで、国道10号線はハイフォンから北海岸県及び世界遺産であるハロン湾まで結ぶ。  :ハイフォンと南海岸県を結ぶ沿岸幹線道路の建設が承認されて、一部が工事中である。 |
| **ĐƯỜNG SẮT:** | **鉄道:** |
| Các tuyến đường sắt từ Hải Phòng giúp vận chuyển số lượng lớn hàng hóa và hành khách từ Hải Phòng đến các tỉnh phía Nam và phía Bắc. Tuyến đường sắt được kết nối với Nam Ninh (Trung Quốc) qua Lạng Sơn đến Côn Minh (Trung Quốc) và qua Lào Cai. | ハイフォンからの鉄道は、大量の貨物と旅客をハイフォンから南部及び北部の県に運んでいる。又、ランソンからナンニン（中国）やラオカイからクンミン(中国)に達している。 |
| **ĐƯỜNG THỦY** | **水路：** |
| Liên kết hầu hết các tỉnh ở khu vực phía Bắc và vận chuyển 40% tổng khối lượng hàng hóa của các tỉnh phía Bắc bằng đường thủy | 北部の主要な地域を繋ぐ重要な輸送路。北部地域の貨物輸送の40％を占める。 |

**Trang 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **HỆ THỐNG CẢNG BIỂN** | **港港システム** |
| •Được thành lập vào ngày 19/7/1888, cảng Hải Phòng là cảng biển hàng đầu ở miền Bắc Việt Nam, phần lớn hàng hóa được xuất nhập khẩu qua đây.  • Với hệ thống 38 cảng biển lớn nhỏ, hàng hóa có thể được vận chuyển hết sức thuận tiện và dễ dàng qua các tuyến hàng hải tới các nước trên thế giới; tới các Khu kinh tế của Việt Nam hoặc các tỉnh phía Nam Trung Quốc bằng đường bộ cao tốc, đường sắt và đường thủy trong thời gian ngắn nhất và hiệu quả nhất.  • Hệ thống cảng hiện nay:  Được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tại cangr: Các bến nước sâu, kho bãi và hệ thống nhà kho trong và ngoài trời với các cách vận hành an toàn, có thể đáp ứng mọi phương thức vận tải và thương mại quốc tế.  • Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện (Giai đoạn khởi động)  - Đóng vai trò là cảng trung chuyển container quốc tế cho khu vực phía Bắc với công suất hơn 100 triệu tấn mỗi năm. Đây là hệ thống cảng hiện đại nhất ở miền Bắc Việt Nam: được trang bị đầy đủ các thiết bị và công nghệ tiên tiến.  -Các khu chức năng và cơ sở vật chất: Cảng tổng hợp, khu hóa lỏng, khu công nghiệp vận chuyển, khu vực cảng đặc biệt, khu vực luồng lạch, khu quay đầu, các trang thiết bị bảo vệ  - Dự án được thực hiện theo hình thức hợp tác đối tác công – tư với 2 hợp phần: | * １８８８年7月１９日に開港したハイフォン港は北部ベトナムの１級港湾で、ベトナム北部への輸入品および輸出品のほとんどがハイフォン港を利用する。 * 38もの港から、貨物は簡単かつ便利に最短時間で最も効率的な方法で、ハイフォン市から世界各地へ海上輸送され、また高速道路や鉄道や水路でベトナム国内と中国南部の経済圏まで輸送される。 * 既存の港湾システム: * 既存の港には、深水停泊所、貯蔵庫、屋外と屋内に設置された大規模な倉庫といった最新の港湾設備が輸送と貿易の全ての国際的な様式（モード）に適用できる安全運転と共に完備されています。 * **ハイフォン国際ゲートウエーポート所在地：ラックフエン (開始段階):** * 同国際ゲートウエーポートは、北部地域において、国際コンテナー中継港として機能しており、年間のコンテナー取扱量は、１億トン超に上る。また、同国際ゲートウェーポートは、ベトナム北部において最も近代的な港湾システムで、全ての施設及び先端の技術装置を完備している。 * 機能的な区域と施設：一般港、流動桟橋、船舶産業エリア、特殊ポートエリア、オフィスエリア、狭義航海、ユータン、保護施設。。 * プロジェクトは**指定管理者制度（**Public Private Partnership －PPP）の下で進行されて、2つの コンポーネントを含む。 |

**Trang 13**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **Hợp phần A:** Nạo vét và chuẩn bị luồng lạch, đường bộ; xây dựng đê chắn sóng, đê kè, bến hoạt động, khu vực hành chính và đường nội bộ  road. | **コンポーネントA:**  浚渫及び航路構築、停泊所; 防波堤、岸壁、埠頭、管理区及び内部路を建設。 |
| **Hợp phần B:** Xây dựng 2 bến container đầu tiên - Quy hoạch cảng đến năm 2020: Diện tích: 184,5 ha.  5 bến container với 1.875 m2  3 nhà ga chung với 750m2  Công suất: Nhận 50.000 DWT chất tải hoặc 100.000 DWT sau khi tàu giảm tải.  Sản lượng hàng hóa: 28,2 - 34,8 triệu tấn / năm  - Quy hoạch cảng đến năm 2030: Diện tích: 508,3 ha.  16 bến container với 6.000 m  7 nhà ga chung với 1.750 m  Công suất: Nhận chất tải đầy đủ 100.000 DWT  Sản lượng hàng hóa: 120 triệu tấn / năm. | **コンポーネント B:**  2つの停泊所を建設。   * 2020年までの港湾計画：   面積：184.5 ha.  5つの1,875mの長さのコンテナ・ターミナル  3つの750mの長さの一般貨物的ターミナル  容積：全負荷50,000 DWT船または負荷低減された100,000 DWT船を受けれる。  貨物処理可能：2,820万~3,480万トン/年   * 2030年までの海港計画：   面積：508.3 ha.  16つの6,000mの長さのコンテナ・ターミナル  17つの1750mの長さの一般貨物ターミナル  容積：全負荷50,000 DWT船を受けれる。  貨物処理可能：1.2億トン/年 |
| **CUNG CẤP ĐIỆN – NƯỚC** | **給電と給水システム** |
| Tổng công suất của nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 là 1.200 MW. Nhà máy này cung cấp cho hệ thống điện quốc gia hơn 6 tỷ Kwh mỗi năm và đóng góp một phần quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng và các tỉnh khác ở vùng Đông Bắc | * ハイフォン市の火力発電第1プラントと第2プラントの総容量は1,200 MW。毎年60億Kwhを国家電力システムに供給し、ハイフォン市を含む北部の社会・経済発展に貢献しています。 |
| • 7 nhà máy xử lý nước ở Hải Phòng với tổng công suất là 214.000 m3 / ngày có thể phục vụ các loại nhu cầu với chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của WHO. Hơn nữa, ở mỗi huyện nông thôn, có các nhà máy xử lý nước nhỏ đáp ứng mọi nhu cầu của địa phương. | * ハイフォン市には214,000 m3/日の生産能力を持つ7つの浄水場があります；水の品質はWHOの基準を満たし、郊外には小型の浄水場により、水に対する様々なニーズに対応しています。 |

**Trang 14**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI** | **ディンブー・カットハイ**  **経済地域** |
| **Diện tích**: 22,540ha, bao gồm: Khu thuế quan và Phi thuế quan | **面積:** 22,540 ha （非関税地区＆関税地区を含む） |
| **Dân số:** Quy mô đến năm 2025: 310.000 người | **人口:**  2025（予測）: 310,000人 |
| **KHU THUẾ QUAN**: 12.923ha | **関税地区: 12,923 ha** |
| **Hệ thống cảng**: 1.046ha, bao gồm: - Cảng quốc tế Hải Phòng (Cảng nước sâu Lạch Huyện) : 640ha. - Cảng Đình Vũ : 251ha. - Cảng Nam Đình Vũ : 144ha. - Cảng Cát Hải : 11ha | **港湾システム:**1,046 ha   * ハイフォン国際ゲートウェイ港（ラックエン深水港）: 640 ha * ディンブー港:　251 ha * 南ディンブー港:　144 ha * カットハイ港（漁港）: 11 ha |
| **Industrial zones** : 4,550ha - Ben Rung IZ : 319ha - VSIP : 698ha - Trang Due IZ : 400ha - Nam Trang Cat IZ : 138ha. - Dinh Vu IZ : 681ha. - Nam Dinh Vu IZ : 867ha. - Cat Hai and Lach Huyen IZ : 1,447ha. | **工業地域:**4,550 ha   * Ben Rung工業団地: 319 ha * VSIP: 698 ha * Trang Due 工業団地: 400 ha * Nam Trang Cat工業団地:　138 ha * DEEP C 工業団地: 1,713 ha * Nam Dinh Vu工業団地: 867 ha * Cat Hai and Lach Huyen 工業団地:　1,447 ha |
| **Storage system** : 209ha. | **倉庫地域:**209 ha |
| **Public service area** : 761ha. - Public service area at the South of Cat Bi airport : 22 ha. - Public service area at new urban area and residential area : 739ha. | **公共サービス地域:**761 ha   * Cat Bi空港南の公共サービス地区:　22 ha * 新市街及び住宅地区の公共サービス地区:　739 ha |

**Trang 15**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **Các trung tâm chuyên ngành:** - Trung tâm y tế: 7ha. - Trung tâm giáo dục – đào tạo : 69ha. - Cơ sở du lịch – nghỉ dưỡng : 87ha. - Hệ thống công viên, cây xanh : 1,839ha. - Đất quốc phòng, an ninh : 103ha. | **その他地域：**   * 健康サービス地区:　7 ha * 教育訓練及び科学調査地区:　69 ha * 観光及び保養地区:　87 ha * 公園及び緑地:　1,839 ha * 防衛及び安全地区:　103 ha |
| **Khu đô thị và khu dân cư**: 2,062ha.- Khu đô thị Bến Rừng: 390ha.  - Khu đô thị VSIP : 364ha. - Khu đô thị Nam Sông Giá : 371ha. - Khu đô thị Nam Tràng Cát : 629ha. - Khu đô thị sân bay quốc tế Cát Bi : 221ha.  - Khu đô thị Cát Hải: 87ha. | **市街及び住宅地域：**2,062 ha   * Ben Rung市街地区:　390 ha * VSIP市街地区:　364 ha * Nam Song Gia市街地区:　371 ha * Nam Trang Cat市街地区:　629 ha * Nam Cat Bi空港市街地区　221 ha * Cat Hai市街地区:　87 ha |
| **Hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật**: 2,196ha. | **交通及びインフラ地域：**2,196 ha |
| Các khu đất khác: 8,350ha | **その他：　8,350 ha** |
| Khu phi thuế quan: 1,258ha  Chức năng: khu trung tâm dịch vụ tài chính, ngân hàng, khu điều hành, quảng bá trưng bày sản phẩm, cơ quan hải quan, khu chế xuất, công nghiệp gia công, tái chế xuất khẩu  Khu Nam Đình Vũ: 448ha  Khu Cảng Lạch Huyện: 810ha | **非関税地域: 1,258 ha**  機能：輸出向けの製品生産、 貿易振興およびサービス等  Nam Dinh Vu 非関税地区: 448 ha  Lach Huyen港非関税地区: 810 ha |

**Trang 16**

**インセンティブ政策**

**工業地区への投資に対するインセンティブ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **項目** | **工業地区でのインセンティブ** | **普通税率** | **備考** |
| **企業所得税** | 10％（15年以内の優遇税率） | 20% | 企業が新規投資プロジェクトで売り上げを取る初年から当てはまる。  政令第218/2013/ ND-CPでの規制による。 |
| * 4年間の免除 * 次の9年間の削減50％ | 企業が投資プロジェクトで税引前利益を有する初年から当てはまる。  政令第218/2013/ ND-CPでの規制による。 |
| **輸出入税** | **輸出関税、輸入関税に対する対象外の製品：**   * 海外への非関税ゾーンから輸出品。 * 非関税ゾーンでのみ使用するための非関税ゾーンに海外から輸入した製品。 |  | 政令第87/2010/ND-CP での規制による。 |
| **付加価値税** | * 外国のパーティーと非関税ゾーンの間または非関税ゾーン間の購入や販売商品・サービスが、付加価値税に対し対象外である。 * 非関税ゾーンで販売され、供給された製品・サービスは0％の付加価値税を当てはまる。 |  | 政令第209/2013/ND-CPでの規制による。 |
| **特別消費税** | **特別消費税に対し対象外の製品：**   * 非関税ゾーンに海外から輸入した商品。 * 非関税ゾーンのみで使用するための非関税ゾーンに内陸から販売した商品。 * 24席以内の車を除いて、非関税ゾーン間で取引した商品。 |  | 政令第26/2009/ND-CPと政令第113/2011/ND-CP での規制による。 |
| **地代や水面賃貸** | **以下の場合に地代や水面賃貸がリースの全期間に免除になる：**   * 特別な投資インセンティブの分野におけて、特に困難な社会経済状況での地域に投資されるプロジェクト。 * 工業地帯の労働者のための家を建てるために土地を使用したプロジェクト。 * 工業地帯にインフラを構築するための土地利用。   **地代や水面賃貸は、基本工事期間の地代や水面賃貸免除の後に免除される：**   * 特に困難な社会経済状況での地域に投資プロジェクト：11年間 * 投資インセンティブの分野におけて、特に困難な社会経済状況での地域にのプロジェクト：15年間 |  | 政令第46/2014/ND-CPでの規制による。 |

**Trang 17**

**工業団地への投資に対するインセンティブ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **項目** | **工業団地への投資に対するインセンティブ** | **普通税率** | **備考** |
| **企業所得税** | * 2年間の免除 * 次の4年間の削減50％ | 20% | 企業が投資プロジェクトで税引前利益を有する初年から当てはまる。  政令第218/2013/ ND-CPでの規制による。 |
| **輸出入税** | 輸出関税、輸入関税に対する対象外の製品：  輸入されて、外国人のために処理される後で輸出される製品と、輸出されて、ベトナムのために処理される後で処理契約の下でに再輸入される製品。 |  | 輸出入税法第107/2016 / QH13、2016年8月31日付けの公式レターNo.12166 / BTC-TCHQおよび2017年8月17日付けのNo.11002 / BTC-TCHQの規定による財務省 |
| **付加価値税** | **付加価値税に対し対象外の製品：**   * ベトナムの領土を通じて積み替えや遷移される製品。 * 一時的に輸出され、再輸出される製品。 * 外国人と製造・加工契約に基づき輸出品を製造または処理するために輸入される材料。 |  | 付加価値税に関する法律第13/2008/QH12での規制による。 |
| **特別消費税** | **特別消費税に対し対象外の製品：**   * ベトナムからの輸出のためとベトナムに輸入のための手続きなしで、ベトナムの国境ゲートを介して輸入国へ輸出国から輸送される製品。 * ベトナムからの輸出のためとベトナムに輸入のための手続きなしで保税倉庫に入れ、ベトナムの国境ゲートを介して輸入国へ輸出国から輸送される製品。 |  | 政令第108/2015/ND-CPでの規制による。 |
| **地代や水面賃貸** | **以下の場合に地代や水面賃貸がリースの全期間に免除になる：**   * 工業地帯の労働者のための家を建てるために土地を使用したプロジェクト。 * 工業地帯にインフラを構築するための土地利用。   **地代や水面賃貸は、基本工事期間の地代や水面賃貸免除の後に免除される：**   * 特に困難な社会経済状況での地域に投資プロジェクト：11年間   投資インセンティブの分野におけて、特に困難な社会経済状況での地域にのプロジェクト：15年間 |  | 政令第46/2014/ND-CPでの規制による。 |

**Trang 18**

**代表的な工業地帯**

**ハイフォン市における工業団地と経済区のシステム**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **NOMURA HAIPHONG** | **DO SON HAIPHONG** | **NAM CAU KIEN** | ***DEEP C IP*** | ***VSIP \**** |
| **工業団地の面積** | 153 ha | 150 ha | 263.34 ha | 10,037 ha | 507.6 ha |
| **占有率** | 100% | 94.85% | 53.94% | - DVIZ/ DEEP C I (541.46 ha): 99.77%;  - DEEP C 2B (462.24 ha): 22.64 | 72.51% |
| **道路、経路システムの幅** | 内部道路:  20 m - 30 m | 主要道路: 34 m  サブ道路: 21 m | 主要道路: 30 m  サブ道路: 20 m | 主要道路: 68m, 60m, 56m  サブ道路: 42m, 36m, 34m, 31m, 21m, 16m | 主要道路: 80 m と 90 m  サブ道路: 26 m と 56 m |
| **電力供給システム** | 110 KV/120 MVA | 110 KV の02電力ネットワーク | 110 KV  容量：2x40 MVA | 110 KV/2 x 63 MVA  220 KV/2 x 250 MVA | 110 KV/126 MVA |
| **給水システム** | 13,500 m3/日 | 10,000 m3/日 | 25,000 m3/日 | 65,000 m3/日 | 69,000 m3/日  段階I: 5,000 m3/日 |
| **廃水処理** | 10,800 m3/日 | 1,200 m3/日 | 4,600 m3/日 | 24,000 m3/日 | 39,000 m3/日  段階I: 4,500 m3/日 |
| **レンタル工場** | １階: 1,461 m2/階  ４階: 1,474 m2/階 | 3,000 m2; 5,000 m2 | NA | 1,350 m2  2,700 m2  5,400 m2 | 1,700 m2;  2,550 m2; 　　2,750 m2 |

**Trang 19**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***TRANG DUE\**** | **KHU PHI THUẾ QUAN VÀ KCN NAM ĐÌNH VŨ (KHU 1)** | ***MP DINH VU*** | ***海上サービスと工業団地\**** |
| **工業団地の面積** | 389.77ha | 1,329.11 ha | 260.29 ha | 132.7 ha |
| **占有率** | 100% | 25.39% | 99.33% | 64.71% |
| **道路、経路システムの幅** | 主要道路: 32 m  サブ道路: 22.5 m | 主要道路: 46 m  サブ道路: 34m | 主要道路: 68m  サブ道路: 31m と34m | 主要道路: 48.5 m  サブ道路: 16 m |
| **電力供給システム** | ステーション110 KV/35/22KV  容量 2x63 MVA | ステーション110 KV  容量4x63 MVA | ステーション220 KV | 626 MVA |
| **給水システム** | 20,000 m3/日  30,000 m3/日にアップグレードされている | 30,000 m3/日 | N/A | 5,200 m3/日 |
| **廃水処理** | 1,500 m3/昼夜 | 10,000 m3/日 | 100 m3/日 | 工事中 |
| **レンタル工場** | 4,000 m 2;  5,000m2 | N/A | N/A | N/A |

*\* DinhVu・CatHai経済圏内部の工業団地*

**Trang 20**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **VĂN HÓA – DU LỊCH** | **文化・観光**  **娯楽** |
| *Hải Phòng được thành lập vào năm 1888 nhưng các di tích hơn 6000 năm của nền văn minh Việt đã được tìm thấy tại các địa điểm tại Cái Bèo và địa điểm khảo cổ Eo Bua trên đảo Cát Bà.*  *Lễ hội truyền thống: hát đúm ở Thủy Nguyên, chọi trâu Đồ Sơn, lễ hội làng cá Cát Bà…* | ハイフォンは１８８８年に正式に設立されましたが、ビエット文明の遺跡が、６０００年前に遡って、カットバー島にあるカイバオ・エオブアで発見されています。  伝統的な祭り：トウイグエン“HatDum”、カットバーボーディング、ドーソン闘牛祭り、ビンバオ粘土クラッカー。 |
| **GIẢI TRÍ** | **エンターテインメント** |
| - Sân golf Đồ Sơn, Vinpearl Golf Hải Phòng; sân golf Vũ Yên - Sông Giá Resort Complex Golf - Casino Đồ Sơn - Hòn Dáu Resort  - Khu nghỉ dưỡng cao cấp Flamingo Cát Bà; hệ thống cáp treo hiện đại nối từ thành phố sang huyện Cát Hải | * ドーソンゴルフコース、ヴィンパールゴルフハイフォン; ヴイェンゴルフコース * ソンジアリゾートコンプレックスゴルフ * カジノドーソン * ホンダウリゾート   フラミンゴキャットバラグジュアリーリゾート; 街とカットハイ地区を結ぶ最新のケーブルカーシステム |

**Trang 21**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **Danh lam thắng cảnh** | **観光スポット:** |
| **Quần đảo Cát Bà** được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới năm 2004 và đang được UNESCO coi là Di sản thế giới bao gồm cả Vườn Quốc gia Cát Bà, nơi hội tụ đầy đủ cả rừng mưa nhiệt đới trên đảo đá vôi, rừng ngập mặn, các rạn san hô, thảm rong và đặc biệt là hệ thống hang động… Đây là một địa điểm tuyệt vời để đạp xe, ngắm chim, thưởng thức và tham gia nhiều lễ hội truyền thống hay đơn giảm chỉ là thư giãn tại các bãi biển. | カットバー島－２００４年にユネスコ（UNESCO）より、世界生物圏保護区に指定されて、現在ＵＮＥＳＣＯの世界遺産として検討中である。カットバー国定公園には、生物の多様性が石灰岩の丘、マングローブ、サンゴ礁、海草藻場、洞窟や渓谷などに、熱帯降雨林のエコシステムとともに共存している。オートバイでのツーリングやバードウオッチング、魚釣りや他のたくさんの伝統的なお祭りを楽しめる。また、ただ単にビーチでくつろぐのもいい。 |
| **Vịnh Lan Hạ** được ví như Vịnh Hạ Long thứ 2 của nước ta mang một vẻ đẹp tựa như chốn thần tiên còn đọng lại theo thời gian. Nét đặc sắc của Vịnh này là cuốn hút, giữ chân, lôi kéo du khách muốn quay lại nơi đây một lần nữa để khám phá trọn vẹn cảnh sắc nơi đây.  Vịnh Lan Hạ có khoảng 400 hòn đảo lớn nhỏ và 139 bãi biển cát trắng mịn trải dài giữa các núi đá. Là bãi biển lí tưởng thích hợp dành cho khách du lịch đến tắm biển bởi biển khá lặng, nước trong xanh, sạch.  Du khách thích lặn ngắm san hô thì nên đến bờ biển Vạn Bội, Vạn Hà. | ランハ湾は、妖精のような美しさが残された、我が国の2番目のハロン湾に例えられます。 この湾のユニークな特徴は、ここの風景を完全に探索するために再びここに戻ってきたいという訪問者を引き付け、保持し、誘惑することです。  ランハベイには、約400の大小の島と、ロッキー山脈の間に広がる139の白い砂浜があります。 海はとても穏やかで、水は澄んでいてきれいなので、観光客が泳ぐのに理想的なビーチです。 ダイビングやサンゴの観察が好きな観光客は、ヴァンボイビーチとヴァンハビーチに行く必要があります。 |
| **Khu di tích Bạch Đằng Giang** là một địa danh lịch sử đặc biệt nằm trên thế đất tựa sơn, phía trước có thiên nhiên hùng vĩ là sông, biển, đồi núi, đồng bằng.  Từ sông Bạch Đằng nhìn vào, Tràng Kênh như một Hạ Long trên cạn với nhiều núi non hùng vĩ. Tràng Kênh cũng là vùng đất lưu giữ di chỉ của người Việt cổ, nơi giao thoa văn hóa của người miền núi ở cánh cung Đông Triều với người miền biển của văn hóa Hạ Long của các bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt. Từ trước công nguyên đến thời Bắc thuộc, Núi Tràng Kênh - Sông Bạch Đằng án ngữ con đường xâm lăng duy nhất về phương Nam của các thế lực Phương Bắc. Nơi đây, từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 13 diễn ra 3 trận quyết chiến chiến lược, cả 3 lần đều dùng trận địa cọc, cả 3 lần đều chỉ xảy ra trong 1 ngày, 1 con nước sáng lên chiều xuống và tiêu diệt gọn quân thù, bắt sống giặc, chém chết chủ tướng, làm quân thù Nam Hán, Đại Tống, Nguyên Mông đều bạt vía kinh hồn. Không một khúc sông nào nơi đây không nhuốm máu quân thù. Bạch Đằng - Tràng Kênh thực sự là một địa danh có lịch sử truyền thống hào hùng, oanh liệt trong lịch sử trường tồn của dân tộc | バックダン川の遺跡は、川、海、丘、平野の雄大な自然の前にある山のような土地にある特別な史跡です。  バックダン川から見ると、トランケンは雄大な山々がたくさんある土地のハロンのように見えます。トランケンはまた、古代ベトナムの人々の遺物を保管する土地でもあります。ここでは、東トリウの山岳民族が、オービエト族とラックビエト族のハロン文化の沿岸の人々と文化的に干渉しています。紀元前から北部支配時代まで、トランケン山-バックダン川は北部の勢力による南部への唯一の侵略方法でした。ここでは、10世紀から13世紀にかけて、3回の戦略的決定戦があり、3回すべてがステークバトルを使用し、3回すべてが1日に発生し、1つの水が上下に点灯して破壊されました。敵を圧縮し、生きたまま敵を捕らえました。 、将軍を斬り殺し、南漢、大通、グエンモンの敵全員に衝撃を与えた。ここには敵の血に染まっていない川はありません。バッハダン-トランケンは本当に国の長い歴史の中で英雄的で輝かしい伝統的な歴史を持つ場所です |
| **Khu Resort Đồ Sơn** – cách trung tâm thành phố 20km, là địa điểm nổi tiếng với những bãi biển và những rừng thông tuyệt đẹp. Ở đây có rất nhiều lựa chọn về khách sạn, nhà gỗ để nghỉ dưỡng cũng như một loạt các nhà hàng với nhiều món ăn phương Tây, châu Á và ẩm thực Việt Nam.  - Làng hoa Hà Lũng và Đăng Hải  - Đồi Thiên Văn  - Resort Núi Voi | ドーソンリゾート：　ハイフォン市中心から２０キロ。　綺麗な浜辺と松林の美しい風景が楽しめます。さまざまなタイプのホテルとバンガローがある。また、西洋、アジア、ベトナム料理といったさまざまな料理を提供するたくさんのレストランがある。   * ハルンダンハイ・フラワービレッジ * ティエンバン山 * エレファントマウンテンリゾート |

**Trang 22**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **GIÁO DỤC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC** | **教育と労働力** |
| • Số trường đại học: 4 • Cao đẳng, trường dạy nghề và trung tâm dạy nghề: 60 • Các chuyên ngành đào tạo chính: Đóng tàu, hàng hải, y tế, xây dựng, may mặc, công nghệ thông tin, kế toán, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ… • Hàng năm, có khoảng 45,000 sinh viên tốt nghiệp. | * 大学: 4 * 短期大学、職業学校、職業訓練センター: 60 * 主な訓練分野：造船、航海、医療、建設、縫製、情報通信（IT）、会計、ビジネス、行政、外国語など * 毎年、４万５千人の大学生と短期大学生が卒業 |

**Trang 23**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt**  **（越南文）** | **Tiếng Nhật** |
| **Dịch vụ** | **サービス** |
| **DỊCH VỤ VẬN TẢI** | **海上輸送** |
| Hải Phòng là một trong những cảng thương mại bận rộn nhất ở Đông Nam Á, với rất nhiều đại diện của các hãng tàu lớn như VOSCO, Vietfracht, Mitsui,SITC Evergreen, Maersk, K-line, Hyundai, NYK, APL,Nedloyd, etc. | ハイフォンは、東南アジアでも多くの貨物船が集まる貿易港のひとつで、同市には、VOSCO, Vitranchart、Vietfracht、Mitsui、SITC、エバーグリーン、Maersk、K-line、Hyundai、NYK、APL、Nedloydなどの多数の名だたる海運会社のオフィルがあります。 |
| **TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG** | **ファイナンス・バンキング** |
| Dịch vụ ngân hàng sẽ được cung cấp đầy đủ bởi các chi nhánh của tất cả các ngân hàng lớn trong nước, liên doanh và ngân hàng nước ngoài:  - Ngân hàng trong nước và quốc tế:  Vietcombank, Vietinbank,Agriculture and Rural Development Bank, Maritime Bank,Exim Bank, Asia Commercial Bank, VP Bank, Public BankVietnam, Indochina Bank, Techcombank, HSBC, etc.  - Công ty bảo hiểm: AIA, Prudential, Bao Viet, Bao Minh,Pjico, etc.  - Các công ty kiểm toán, tư vấn và chứng khoán:Vinatax,SSI,PriceWaterhouseCoopers, etc. | ベトナム国営銀行、合弁銀行、外資銀行の各支店において、各種の金融サービスが受けられます。   * 国内及び国際銀行：ベトナム商業銀行（Vietcombank）、外商銀行（Vietinbank）、農業農村開発銀行、マリーン銀行、輸出入銀行（エキシム銀行）、アジア商業銀行、VPバンク、VIDパブリックバンク、インドチャイナバンク、Techcombank, HSBCなど * 保険会社: AIA保険、プルーデンシャル、バオビエット、バオミン、PJICOなど * 監査法人、コンサルティング会社、証券会社：　ヴィナタックス、SSI、PWC　など |
| **SỨC KHỎE** | **医療サービス** |
| Mạng lưới y tế được thiết lập đầy đủ bởi 20 bệnh viện, với tổng số 3.480 giường và đội ngũ 1.180 bác sĩ, trong đó có 33 bác sĩ đã được đào tạo tại Pháp, Cộng hòa Séc, Canada, japan, Singapore, India, Thái Lan và 2,694 nhân viên y tế, đảm bảo chăm sóc cho sức khỏe cộng đồng và người lao động.  Trung tâm chăm sóc sức khỏe quốc tế và bệnh viện cho người nước ngoài sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của bệnh nhân. | ハイフォン市には、２３箇所の病院があり、総ベット数は３４８０つで、１１８０人に上る医師がいます。そのうち、33人の医師は、フランス、チェコ、カナダ、日本、シンガポール、インド、タイで医療研修を受けています。また、看護婦など医療従事者の総数は、２６９４人に上ります。  さらに、国際保健センターと病院が国際人の任意の要件のために努めています。 |
| **BƯU CHÍNH VÀ VIỄN THÔNG** | **郵便と電話通信** |
| Dịch vụ bưu chính và viễn thông trong và ngoài nước rất đa dạng và dễ dàng truy cập như điện thoại (cố định và không dây), internet, thẻ điện thoại, telex, chuyển phát nhanh trong nước và toàn cầu: EMS, DHL, FedEx, TNT, etc. | 電話（ワイヤレス可）、インターネット、電話カード、ファックス、テレックス、ページサービス、速達、宅配便（EMS、ＤＨＬ、ＦｅｄＥｘ、ＴＮＴ）などの国内および国際郵便・電話通信サービスの利用が可能です。 |

**Trang 24**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **Thu hút FDI** | **外国直接投資（ＦＤＩ）の誘致** |
| **Mục tiêu:** | **目的:** |
| * Nâng cao năng suất, hiệu quả, tăng trưởng bền vững và khả năng cạnh tranh của kinh tế địa phương. * Khai thác toàn diện các lợi thế biển để phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực kinh tế biển, đặc biệt là dịch vụ vận tải, cảng, kho, vận chuyển, thương mại, viễn thông, du lịch, v.v. * Tập trung vào thu hút đầu tư từ các nước phát triển và từ các quốc gia cung cấp đầu tư ra nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, EU, v.v. * Khuyến khích đầu tư vào ngành sản xuất sử dụngcông nghệ cao, sử dụng hiệu quả vật liệu thô và có giá trị gia tăng cao, giảm thiểu nguy hại đến môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ. * Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp tập trung vào khu kinh tế, khu công nghiệp và khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch như Đình Vũ - Cát Hải, và các khu công nghiệp: Đình Vũ, Đồ Sơn, Tràng Duệ, Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, VSIP, Nam Đình Vũ ...   Thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu và cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch. Khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng dưới nhiều hình thức như BOT, BT, PPP, FDI và ODA; dự án tập trung phát triển cảng biển, hậu cần cảng, đường nội địa, cầu, sân bay; cơ sở hạ tầng trong khu kinh tế, các trung tâm logistics tại Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và trong các lĩnh vực khác như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và nuôi trồng thủy sản gắn liền với quy trình sản phẩm chất lượng cao, v.v. | * 生産性、効率性、成長の持続性及びハイフォン市の経済の競争力の改善。 * 海上経済分野の発展のために海上の有利性を全面的に利用する。特に、輸送サービス、港湾、倉庫、船舶、貿易、情報通信、観光などに注力すること。 * 先進諸国からの魅力的な投資の誘致及び日本、韓国、米国、EUなどへの海外投資に注力すること。 * 環境や裾野産業に悪影響の無いハイテク、原材料の節約、付加価値の高い製造業への投資の奨励。 * ディンブー、ドーソン、チャンドゥエ、タンリエン、VSIP（ベトナムシンガポール工業団地）、ナンディンブーなどの既に計画が承認された経済地域、工業団地、工業群に焦点を絞った産業・工業プロジェクト投資の誘致。 * 計画が承認されているニュータウンや工業団地の開発への投資の誘致。特に、日本からの機械製造、エレクトロニクス産業、裾野産業の投資の計画と開発。 * 経済地域、物流センター、シーポートエリアなどにおけるさまざまな投資形態（BOT,BT,PPP,FDI,ODA）による港湾開発、港湾サービス事業、高速道路、橋、空港などの社会資本開発整備への投資の奨励。また、高品質の水上製品と関連した健康、教育、文化の分野における投資プロジェクトの奨励。 |

**Trang 25**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **Thành tựu:** | **実績** |
| Nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ Trung ương và sự quan tâm mạnh mẽ từ các nhà đầu tư nước ngoài, Hải Phòng đã tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi, cởi mở, ổn định và minh bạch với các thủ tục hành chính đơn giản và các chính sách khuyến khích hấp dẫn. Tính đến ngày 31/12/2020, có tới 760 dự án FDI hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 19,24 tỷ USD. Các nhà đầu tư đến từ 36 quốc gia và vùng lãnh thổ, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Đài Loan và Đức. | 中央政府と外国人投資家からの強い関心と支援のおかげで、ハイフォン市は、簡素化した管理手順と魅力的インセンティブ政策とともに、安定かつ透明な投資環境が整っています。 2020年12月31日現在、192.4億ドルの総登録資本金のうち760 件のFDIプロジェクトが進行中で、日本、韓国、シンガポール、米国、台湾、ドイツなど36カ国と地域から投資が集まっています。 |

**Trang 26**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng Việt** | **Tiếng Nhật** |
| **CAM KẾT CỦA LÃNH ĐẠO THÀNH PHỐ** | **ハイフォン市の**  **コミットメント** |
| **ĐỂ THỰC HIỆN CAM KẾT TỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ, LÃNH ĐẠO THÀNH PHỐ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP** | **この度、投資家に対する支援の一環として、ハイフォン市は以下の検討グループを立ち上げました。** |
| **1**. Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư kinh doanh tại thành phố Hải Phòng:  \* Thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố, Cục Hải quan thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ. Tổ công tác được điều hành, chỉ đạo bởi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.  \* Tổ công tác có trách nhiệm: Tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của các doanh nghiệp đang bị chậm giải quyết bởi các cơ quan liên quan. | 1. **ハイフォン市に進出して事業展開する企業を強力に支援するワーキンググループ**  * 本ワーキンググループのメンバーは以下の主要な関係当局の幹部により構成されます。計画投資局（DPI）、環境資源局（DONRE）、建設局（DOC）、運輸局（DOT）、法務局（DOJ）、財務局（DOF）、ハイフォン市税務局、同市税関局、ハイフォン経済地域管理局（HEZA）、中小企業協会（SMEs）、ベトナム商工会議所ハイフォン支部（VCCIハイフォン）及び青年商工会議所。 * ワーキンググループの座長は、ハイフォン市人民委員会第一副委員長が務めます。当該グループは、規定に基づき、解決が遅れている企業のあらゆる質問、照会などの受理及び解決並びに所管当局による問題解決の管理監督を責務とします。 |
| **2. Tổ công tác giải quyết các vấn đề liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên đất khác:**  \* Thành viên của Tổ công tác được cử từ Sở Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo và điều hành bởi Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.  \* Nhiệm vụ của Tổ công tác: Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến quy trình quản lý việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất khác cho các tổ chức, cá nhân. | 1. **土地使用証明書及び家屋所有証明書の発行に関する諸問題の解決に注力するワーキンググループ**  * 当該グループのメンバーは、環境資源局長を筆頭とする環境資源局（DONRE）の幹部により構成されます。 * グループは、すべての個人及び企業に対する土地使用証明書及び家屋所有証明書の発行に係わる行政手続き上の諸問題の解決のための解決策の立案と提示を責務とします。 |
| **3. Tổ công tác giải quyết trình tự, thủ tục các dự án quan trọng trên địa bàn thành phố:**  \* Thành viên Tổ công tác bao gồm đại diện lãnh đạo, chuyên viên Ủy ban nhân dân thành phố và một số Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính và Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. Tổ công tác được điều hành, chỉ đạo bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.  \* Nhiệm vụ của Tổ công tác: Thực hiện trình tự, thủ tục và giải quyết các vướng mắc đối với các dự án quan trọng trên thành phố. | 1. **市内の重要なプロジェクトの順序と手順を処理するためのワーキンググループ**  * ワーキンググループのメンバーには、リーダーの代表、市人民委員会の専門家、および経済特区の計画と投資、建設、天然資源と環境、財務と管理委員会、ハイフォン経済などの多くの部門と支部が含まれます。 ワーキンググループは、市人民委員会の委員長によって管理および監督されています。   \* ワーキンググループのタスク：都市の重要なプロジェクトの秩序、手順を実行し、問題を解決します。 |

**Trang 27**